TOÀ ÁN NHÂN D **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-ST
Ngày: 09-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh
Các Hội thẩm nhân D:
1. Ông Cầm Văn Tổ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân D huyện MS, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện MS tham gia phiên toà: Bà Sa Hoàng Nhật Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện MS, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1967, địa chỉ: Xóm A, Tiểu khu B, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Văn phòng Luật sư Thăng Long Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đức Th – Trưởng Văn phòng. Địa chỉ: Số 486, đường Lê Duẩn, tổ 3, phường Chiềng Sinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: Xóm 3, Tiểu khu B, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Văn O, sinh năm 1967, địa chỉ: Xóm 1, Tiểu khu B, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 20/6/2020, bà H có cho ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D (địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn HL, MS, Sơn La) vay số tiền là

100.000.000VNĐ và thỏa thuận thời gian trả là ngày 29/02/2021 (âm lịch), lãi suất 1,7%/tháng. Ông T trực tiếp là người viết giấy vay tiền, sau khi ông T, bà D ký tên vào giấy vay tiền bà đã giao đủ số tiền 100.000.000VNĐ cho ông T, bà D.

Ngày 20/12/2021, ông T, bà D trả được 10.000.000VNĐ tiền lãi.

Ngày 28/12/2022, ông T, bà D trả được 2.500.000VNĐ tiền lãi và 05 con gà nhỏ (trị giá khoảng 600.000VNĐ).

Như vậy ông T, bà D đã trả đủ cho bà tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 13.100.000VNĐ (thời gian tính lãi tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày 29/01/2021). Đối với số tiền nợ gốc, bà đã nhiều lần đến đòi nhưng ông T, bà D không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T, bà D phải trả số tiền nợ gốc của bà là 100.000.000VNĐ, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 5.102.728 VNĐ (tạm tính từ ngày 30/01/2021 đến ngày 10/3/2023), tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 63.163.000VNĐ (tạm tính từ ngày 30/01/2021 đến ngày 10/3/2023). Tổng cộng yêu cầu ông T, bà D phải trả số tiền cho bà H là 168.265.728 VNĐ.

Tại văn bản đề ngày 08/8/2023 của Văn phòng luật sư Thăng Long Hà Nội - là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H có ý kiến:

Giữ nguyên yêu cầu buộc ông T, bà D phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000VNĐ.

Yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc ông T, bà D phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 678.000 VNĐ.

Rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 5.102.278 VNĐ.

Rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, yêu cầu ông T, bà D phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 50.298.000VNĐ (tính từ ngày 30/01/2022 đến ngày 09/8/2023).

Tổng cộng yêu cầu ông T, bà D phải trả số tiền 150.976.000 VNĐ cho bà Nguyễn Thị H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2023 và bản tự khai ngày 09/8/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ông T và bà D là người sống cùng tiểu khu với bà Nguyễn Thị H. Ngày 20/6/2020, ông bà có vay của bà H số tiền là 100.000.000VNĐ, thỏa thuận lãi suất là 1,7%/tháng. Giấy vay tiền do ông T là người viết có chữ ký của cả hai vợ chồng ông bà. Việc vay tiền được thực hiện với bà H không có mặt của ông Đỗ Văn Oanh (chồng bà H). Trong giấy vay tiền bà H còn yêu cầu ông viết thế chấp nhà đất ở tiểu khu 1, thị trấn HL vào. Hai bên thỏa thuận đến ngày 29/02/2021 (âm lịch) thì ông bà có trách nhiệm trả cả gốc và lãi cho bà H. Tuy nhiên do làm ăn không thuận lợi nên ông bà chưa trả được tiền cho bà H. Ông xác nhận ông bà đã trả được số tiền lãi như bà H đã kê là 13.100.000VNĐ. Ông bà sẽ có trách

nhiệm trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi cho bà H như đã thỏa thuận, ông đưa ra phương án trả nợ là tháng 10/2023 trả 30.000.000VNĐ, tháng 01/2024 trả 30.000.000VNĐ, tháng 4/2024 trả 40.000.000VNĐ tiền gốc. Sau khi trả hết tiền gốc thì hai bên sẽ tính toán tiền lãi để trả nốt.

Tại bản tự khai ngày 10/5/2023 ông Đỗ Văn Oanh có ý kiến như sau:

Ông hoàn toàn đồng ý với quan điểm, ý kiến, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, đề nghị giải quyết vắng mặt ông tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án.

Do các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện MS, tỉnh Sơn La có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Những người tiến hành tố tụng và đương sự đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 463, 465, 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật D sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng D sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D phải trả bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 149.355.000VNĐ, trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000VNĐ, tiền nợ lãi trên nợ gốc trong, quá hạn chưa trả là 49.355.000VNĐ theo giấy vay tiền lập ngày 20/6/2020 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị H và bên vay là ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,66%/tháng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 5.102.278 VNĐ và một phần yêu cầu tính số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí D sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Việm kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận có giao dịch về việc vay tiền mặt vào ngày 20/6/2020 nhưng do bị đơn vi phạm về nghĩa vụ trả tiền nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn cư trú tại tiểu khu 1, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La, tạm trú tại bản Ớt Chả, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La nên Tòa án nhân D huyện MS thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng D sự năm 2015.

Theo giấy vay tiền đề ngày 20/6/2020 giữa ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D có nội dung thể hiện vay tiền của bà Nguyễn Thị H, chồng là Đỗ Văn Oanh nên Tòa án xác định ông Đỗ Văn Oanh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn Oanh có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bà Nguyễn Thị D nhưng bà D vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật D sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn ông Vũ Văn T đều xác nhận có giao dịch vay số tiền 100.000.000VNĐ tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận là 1,7%/tháng, thời gian vay hẹn đến ngày 29/02/2021 (âm lịch) trả cả gốc và lãi. Trong quá trình vay, ông T, bà D đã trả được số tiền lãi cho bà H là 13.100.000VNĐ tiền lãi.

Việc bị đơn thừa nhận nghĩa vụ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng D sự. Như vậy, đủ căn cứ xác định có việc cho vay tiền mặt giữa bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D với số tiền vay gốc là 100.000.000VNĐ vào ngày 20/6/2020, thời hạn trả là ngày 29/02/2021 âm lịch tức ngày 10/4/2021 dương lịch. Ông T, bà D vi phạm thời hạn trả tiền vay theo thỏa thuận nên bà H khởi kiện về việc buộc ông T, bà D phải trả số tiền 100.000.000 VNĐ cần được chấp nhận.

Đối với các yêu cầu về tính lãi suất của nguyên đơn: Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 08/8/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu buộc ông T, bà D phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000VNĐ. Yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc ông T, bà D phải trả tiền lãi

trên nợ gốc trong hạn là 678.000 VNĐ. Rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 5.102.278 VNĐ. Rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, yêu cầu ông T, bà D phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 50.298.000VNĐ (tính từ ngày 30/01/2022 đến ngày 09/8/2023 theo mức lãi suất 1,66%/tháng). Tổng cộng yêu cầu ông T, bà D phải trả số tiền 150.976.000 VNĐ cho bà Nguyễn Thị H.

Hội đồng xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 5.102.278 VNĐ và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là hoàn toàn tự nguyện, cần đình chỉ theo quy định.

Đối với yêu cầu tính lãi trên nợ gốc trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn, xét thấy: Tại giấy vay tiền ngày 20/6/2020, các bên có thỏa thuận mức lãi suất là 1,7%/tháng, mức lãi suất này vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật D sự năm 2015 nên việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu về mức lãi suất là 1,66%/tháng được Hội đồng xét xử chấp nhận (tương ứng 0,055%/ngày, 19,92%/năm). Căn cứ Điều 5 Nghị Quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, lãi suất được tính như sau:

Tiền lãi trong hạn bị đơn chưa trả (tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày 10/4/2021) là 09 tháng 20 ngày được tính như sau:

100.000.000VNĐ×1,66%×09 tháng + 100.000.000VNĐ×0,055%×20 ngày= 16.040.000VNĐ;

Tiền lãi quá hạn bị đơn chưa trả (tính từ ngày 11/4/2021 đến ngày 09/8/2023) là 02 năm 03 tháng 29 ngày được tính như sau:

100.000.000VNĐ×19,92%×02 năm+ 100.000.000VNĐ×1,66%×03 tháng + 100.000.000VNĐ×0,055%×29 ngày= 46.415.000VNĐ;

Tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả là 162.455.000VNĐ. Số tiền lãi là 1.621.000 VNĐ nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là không đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận bị đơn đã trả được số tiền lãi là 13.100.000VNĐ nên bị đơn còn phải trả số tiền gốc và lãi là 149.355.000VNĐ (Một trăm bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,66%/tháng.

Về vấn đề khác: Nội dung giấy vay tiền ngày 20/6/2020 có ghi nội dung về việc thế chấp nhà, đất của bị đơn, tuy nhiên ngoài nội dung này các bên không lập bất cứ văn bản thế chấp tài sản nào khác theo quy định của pháp luật. Trong vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 149.355.000VNĐ nên bị đơn phải chịu tiền án phí D sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 463, 465, 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật D sự năm 2015;
- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng D sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D phải trả bà Nguyễn Thị H tổng số tiền là 149.355.000VNĐ, trong đó tiền nợ gốc là 100.000.000VNĐ, tiền nợ lãi trên nợ gốc trong, quá hạn chưa trả là 49.355.000VNĐ theo giấy vay tiền lập ngày 20/6/2020 giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị H và bên vay là ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,66%/tháng.

Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về tính tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 5.102.278 VNĐ và một phần yêu cầu tính số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về án phí: Ông Vũ Văn T, bà Nguyễn Thị D phải chịu số tiền án phí D sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.467.000 VNĐ (Bảy triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng chẵn).

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí D sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.206.000 VNĐ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003127 ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án D sự huyện MS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án D sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân D tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân D huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh